

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 01 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nghiêm Xuân H

2. Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0812/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Trang L, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: GM1-11.10, 119 đường P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Viết H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: GM1-11.10, 119 đường P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Trang L trình bày:

Bà Bùi Trang L và ông Lê Viết H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2013, quyển số 02/2013, ngày 20/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó mâu thuẫn phát sinh do cả hai bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống. Từ đó, làm cho cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn sự hòa thuận, tin tưởng và yêu thương nhau. Do đó, bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Viết A, sinh ngày 18/11/2012. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Lê Viết A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H, về con chung, tài sản chung và nợ chung để ổn định cuộc sống. Bà L khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn ông Lê Viết H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà L yêu cầu ly hôn với bị đơn ông H hiện đang cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông H vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông H vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2013, quyền số 02/2013, ngày 20/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H không có mặt tham gia để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, có căn cứ xác định ông H đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà L không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà L dành cho ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà L để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 160/2013, quyển số I/BT ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định bà L và ông H có 01 con chung là Lê Viết A, sinh ngày 18/11/2012.

Xét, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Viết A và không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của bà L xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con về mọi mặt. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Lê Viết A, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Bùi Trang L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Trang L và ông Lê Viết H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lê Viết A, sinh ngày 18/11/2012.

Giao trẻ Lê Viết A cho bà Bùi Trang L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Bùi Trang L không yêu cầu ông Lê Viết H cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Trang L và ông Lê Viết H đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình:

Bà Bùi Trang L phải chịu số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019383 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Bùi Trang L đã nộp đủ án phí.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
 - VKSND quận Phú Nhuận;
 - CC THADS quận Phú Nhuận;
 - UBND Phường Cống Vị, quận Ba Đình
- Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh